



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

Các số trong phạm vi lớp triệu · Làm tròn số · sách Kết nối tri thức



Tuần 6

Họ và tên: _____

Lớp: _____



Bài 1: Nối số với cách đọc

1. 12 000 000



a. một triệu hai trăm nghìn

2. 1 200 000



b. bốn mươi triệu

3. 3 200 000



c. mười hai triệu

4. 40 000 000



d. ba triệu hai trăm nghìn

Bài 2: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

1 321 959 $\approx$

3 254 176 $\approx$

4 362 215 $\approx$

4 183 995 $\approx$

4 691 655 $\approx$

4 517 328 $\approx$

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Giá trị của chữ số 6 trong số 6 156 918 là:

(A) 60

(B) 600

(C) 60 000

(D) 6 000

2. Số gồm 5 triệu, 3 trăm nghìn và 8 nghìn là:

(A) 5 300 800

(B) 5 038 000

(C) 5 380 000

(D) 5 308 000

Bài 4: Điền dấu >, <, =

7 700 022 7 700 522 8 639 302 8 639 322 2 650 697 2 655 697

3 236 965 3 236 665 4 671 788 4 671 838 2 720 030 2 720 030

Bài 5: Giải bài toán

1. Năm ngoái, tỉnh A có 2 385 640 người, tỉnh B có 1 947 300 người. Làm tròn số dân mỗi tỉnh đến hàng trăm nghìn. Tỉnh nào đông dân hơn?

.....

.....

.....



ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 6

Bài 1: Nối số với cách đọc

1 - c 2 - a 3 - d 4 - b

Bài 2: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

1 321 959 $\approx$ 1 300 000 3 254 176 $\approx$ 3 300 000 4 362 215 $\approx$ 4 400 000
4 183 995 $\approx$ 4 200 000 4 691 655 $\approx$ 4 700 000 4 517 328 $\approx$ 4 500 000

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. D (6 000) 2. D (5 308 000)

Bài 4: Điền dấu >, <, =

7 700 022 < 7 700 522 8 639 302 < 8 639 322 2 650 697 < 2 655 697
3 236 965 > 3 236 665 4 671 788 < 4 671 838 2 720 030 = 2 720 030

Bài 5: Giải bài toán

1. Tỉnh A $\approx$ 2 400 000 người; tỉnh B $\approx$ 1 900 000 người. Vì 2 385 640 > 1 947 300 nên tỉnh A đông dân hơn. Đáp số: Tỉnh A đông dân hơn.

onhi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5